

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-7-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Trung Chính

Bà Đoàn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 119/2022/TLST–HNGĐ ngày 13/5/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh **Lý Phương A** – sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Nà K, xã L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

- Bị đơn: chị **Triệu Thị N** – sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2022, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Lý Phương A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Triệu Thị N kết hôn vào ngày 09/11/2007 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N đi làm ăn xa không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm không còn, anh A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: anh và chị N có 02 con chung Lý Hải A, sinh ngày 16/8/2008 và Lý Vinh T, sinh ngày 14/01/2011, hiện các con đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai ngày 27/6/2022 bị đơn Triệu Thị N nhất trí với nội dung anh A trình bày về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống thực tế có mâu thuẫn, do chị đi làm ăn xa vợ chồng bất đồng quan điểm, không thông cảm cho nhau. Nay anh A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, quan điểm của chị là đồng ý.

Về con chung: chị và anh A có 02 con chung như anh A trình bày là đúng. Sau khi ly hôn, anh A có nguyện vọng được nuôi hai con, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý.

Về tài sản và công nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn Triệu Thị N nhưng vắng mặt. Do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* anh Lý Phương A và chị Triệu Thị N có đăng ký kết hôn tại xã UBND xã L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 09/11/2007. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của các đương sự quá trình chung sống thực tế vợ chồng có mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không thông cảm cho nhau và sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Quá trình ly thân, vợ chồng không có biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân. Anh A, chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy

định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: anh A và chị N có hai con chung Lý Hải A, sinh ngày 16/8/2008 và Lý Vinh T, sinh ngày 14/01/2011. Hiện tại các con đang do anh A trực tiếp nuôi dưỡng, có nơi ở và học tập ổn định. Các con có nguyện vọng ở cùng bố.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của con, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cho anh Lý Phương An trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, là phù hợp.

Nguyên đơn không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: anh Lý Phương A phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228; Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: anh Lý Phương An được ly hôn với chị Triệu Thị N.

2. *Về con chung*: giao cho anh Lý Phương A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lý Hải A, sinh ngày 16/8/2008 và Lý Vinh T, sinh ngày 14/01/2011 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: anh Lý Phương A phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0002334 ngày 13/5/2022

của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận anh A đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã Lâm T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Ninh